

Bản án số: 58/2019/HS-ST

Ngày 21 - 8 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN - TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Phùng Quốc Quân

Bà Hà Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Phương Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 64/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Cà Văn T. Tên gọi khác: không. Sinh năm 1989 tại huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở: Bản A, xã B, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 09/12. Dân tộc: Thái. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Cà Văn T1, sinh năm 1970 và bà: Lò Thị T2, sinh năm 1972. Bị cáo có vợ là Lường Thị T3 (đã ly hôn năm 2017); bị cáo có 02 con sinh năm 2008 và năm 2010.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 23/4/2019 giam tại Nhà tạm giam, tạm giữ Công an huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Cà Văn M. Tên gọi khác: không. Sinh năm 1986 tại huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở: Bản C, xã B, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 09/12. Dân tộc: Thái.

Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Cà Văn M1, sinh năm 1956 và bà: Lò Thị M2, sinh năm 1955. Bị cáo có vợ là Cà Thị M3, sinh năm 1985; bị cáo có 02 con sinh năm 2017 và năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 23/4/2019 giam tại Nhà tạm giam, tạm giữ Công an huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Cà Văn T1, sinh năm 1970. Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

- Chị Cà Thị M3, sinh năm 1985. Địa chỉ: Bản C, xã B, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 23/4/2019, Cà Văn T gọi điện cho Cà Văn M nhờ M đến nhà đón và chở ra thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La để đón xe khách đi thành phố Hà Nội làm thuê. M đồng ý rồi điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda biển kiểm soát 26B2-055.22 đến đón T rồi đi theo đường tỉnh lộ 110 hướng ra thị trấn Hát Lót. Đi được khoảng 03km T nảy sinh ý định mua ma túy sử dụng nên đã nói với M "có thuốc có chơi không", do là người nghiện ma túy nên M đồng ý và nói "nếu mua được thì chơi". T nói còn sớm chưa mua được nên rủ M đến ăn sáng tại một quán ăn ở bản Nà Phường, xã Chiềng Chăn, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Sau khi ăn sáng xong, lúc này trời đã sáng, T nói "chắc có người bán ma túy rồi" và bảo M điều khiển xe quay lại để tìm mua ma túy. M điều khiển xe chở T quay về hướng huyện Mường La, khi đi được khoảng 02km, T nhìn thấy 01 người đàn ông đang ngồi bên đường hút thuốc lá, giống người nghiện ma túy, T bảo M dừng xe cách vị trí người đàn ông khoảng 30m rồi một mình đi bộ đến chỗ người đàn ông. T đặt vấn đề mua ma túy thì người đàn ông nói có bán ma túy, giá 01 viên hồng phiến là 50.000VNĐ, T đặt vấn đề mua 01 viên hồng phiến và 150.000VNĐ heroine rồi lấy tiền đưa cho người đàn ông, người đàn ông nhận tiền và bảo đứng chờ. Khoảng 10 phút sau người đàn ông quay lại đưa cho T 01 gói được gói bằng mảnh nilon màu xanh, T mở ra kiểm tra thấy bên trong được gói bằng 01 lớp nilon màu xanh bên trong chứa 01 viên nén màu hồng và 01 cục heroine, T nói "sao được ít thế" thì người đàn ông nói "phải thêm tiền" T lấy 20.000VNĐ đưa cho người đàn ông thì người đó lấy từ trong túi quần đang mặc ra 01 viên nén màu hồng đưa cho T

rồi bỏ đi. T cho viên hồng phiến vào gói nilon màu xanh vừa mua rồi cất vào trong túi quần đang mặc quay lại chỗ M, nói đã mua được ma túy.

M điều khiển xe máy chở T đi hướng ra thị trấn Hát Lót, khi đi được khoảng 03km, T thấy 01 bãi đất trống nên bảo M dừng xe để cùng sử dụng ma túy. T và M đi lên bậc thang thoát nước cạnh đường, khi lên đến khu vực đất trống cách đường khoảng 03m thì T dừng lại mở gói ma túy vừa mua ra, lấy một phần heroine và một phần viên hồng phiến rồi dùng mảnh nilon màu xanh gói ma túy ban đầu gói lại đưa cho M. T tiếp tục lấy phần còn lại của viên hồng phiến và một phần heroine ra sử dụng bằng hình thức chích. Sau khi sử dụng ma túy, T xé mảnh nilon màu xanh ban đầu gói số ma túy còn lại cất vào trong túi quần bên phải đang mặc mục đích để sử dụng dần. M lấy một phần hồng phiến và heroine sử dụng bằng hình thức hít, số còn lại M gói bằng mảnh nilon màu xanh gói ma túy ban đầu gói lại thành 01 gói cất giấu trong điều thuốc lá để trong túi quần bên phải đang mặc mục đích để sử dụng dần.

Sau khi sử dụng ma túy xong, M tiếp tục điều khiển xe máy chở T ra thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn. Khi đi đến khu vực tiểu khu 6, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, M và T bị tổ công tác Công an huyện Mai Sơn phát hiện bắt người phạm tội quả tang và thu giữ tại túi quần bên phải của Cà Văn M đang mặc 01 điều thuốc lá nhãn hiệu Thăng long bên trong có chứa 01 gói được gói bằng mảnh nilon màu xanh bên trong chứa chất bột nén màu hồng nghi là ma túy tổng hợp và chất bột nén màu trắng nghi là heroine; tiến hành kiểm tra Cà Văn T phát hiện tại túi quần bên phải 01 gói được gói bằng mảnh nilon màu xanh bên trong chứa 01 viên nén màu hồng, trên bề mặt một bên có ký hiệu "WY" nghi là ma túy tổng hợp hồng phiến và 01 gói được gói bằng mảnh nilon màu xanh bên trong chứa chất bột nén màu trắng nghi là heroine, tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng và thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, kèm theo 01 sim; 01 xe máy nhãn hiệu Honda biển kiểm soát 26B2-055.22 của Cà Văn M và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xám, kèm theo 01 sim; số tiền 3.500.000VNĐ của Cà Văn T.

Ngày 23/4/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mai Sơn phối hợp với phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La tiến hành bóc mở niêm phong, cân tịnh xác định khối lượng, trích rút mẫu giám định vật chứng thu giữ khi bắt quả tang Cà Văn T và Cà Văn M. Kết quả:

Khối lượng chất bột nén màu hồng trong gói vật chứng thu giữ khi bắt quả tang Cà Văn M là 0,02gam, trích rút toàn bộ, ký hiệu M1 để giám định.

Khối lượng chất bột nén màu trắng trong gói vật chứng thu giữ khi bắt quả tang Cà Văn M là 0,03gam, trích rút toàn bộ, ký hiệu M2 để giám định.

Khối lượng 01 viên nén màu hồng trong gói vật chứng thu giữ khi bắt quả tang Cà Văn T là 0,10gam, trích rút toàn bộ, ký hiệu M3 để giám định.

Khối lượng chất bột nén màu trắng trong gói vật chứng thu giữ khi bắt quả tang Cà Văn T là 0,11gam, trích rút toàn bộ, ký hiệu M4 để giám định.

Ngày 25/4/2019, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La ban hành bản kết luận giám định số 807, kết quả:

“Mẫu gửi giám định ký hiệu M1 và M3 đều là chất ma túy; Loại chất Methamphetamine; tổng khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,12gam.

Mẫu gửi giám định ký hiệu M2 và M4 đều là chất ma túy; Loại chất Heroine; tổng khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,14gam.

Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 0,12gam; loại Methamphetamine và 0,14gam; loại Heroine.”

Tại phiên tòa các bị cáo Cà Văn T, Cà Văn M đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

Bản cáo trạng số 63/CT-VKSMS ngày 01/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn đã truy tố các bị cáo Cà Văn T, Cà Văn M về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Sau khi kết thúc phần thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát trình bày bản luận tội đối với các bị cáo và đã giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo cáo trạng và đề nghị hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; Điều 35, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Tuyên bố bị cáo Cà Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Cà Văn T từ 14 đến 18 tháng tù giam.

Áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo từ 1.000.000VNĐ đến 2.000.000VNĐ.

- Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Tuyên bố bị cáo Cà Văn M phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Cà Văn M từ 12 đến 14 tháng tù giam

Áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo từ 1.000.000VNĐ đến 2.000.000VNĐ.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy: 02 vỏ bao bì niêm phong vật chứng ban đầu cùng các mảnh ninon gói ma túy ban đầu, 01 bom kim tiêm được niêm phong theo quy định;

Trả lại cho bị cáo Cà Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung 540 màu xám, kèm theo 01 sim.

Tạm giữ để đảm bảo cho công tác thi hành án 01 xe máy nhãn hiệu Honda, màu đỏ, biển kiểm soát 26B2-055.22; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, kèm theo 01 sim của Cà Văn M.

Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cà Văn T1 số tiền 3.500.000VNĐ.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Bị cáo Cà Văn T, Cà Văn M tự bào chữa: Nhất trí với nội dung bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Cà Thị M3, ông Cà Văn T1 trình bày ý kiến: Nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mai Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân huyện Mai Sơn, Kiểm sát viên, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tình tiết định tội, định khung hình phạt*: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận, ngày 23/4/2019 Cà Văn M đã chở Cà Văn T đi mua trái phép 220.000VNĐ ma túy mục đích để sử dụng. Cùng ngày T và M bị tổ công tác Công an huyện Mai Sơn phát hiện bắt quả tang thu giữ 0,12gam methamphetamine và 0,14gam heroine

(tổng khối lượng ma túy là 0,26gam). Các bị cáo khai nhận mục đích mua ma túy để sử dụng cho bản thân.

Theo quy định tại Điều 4 Nghị định 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 thì tổng khối lượng chất ma túy khi bắt quả tang các bị cáo Cà Văn T, Cà Văn M là 0,26gam. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 09 giờ 10 phút ngày 23/4/2019 của Tổ công tác Công an huyện Mai Sơn; biên bản bóc mở niêm phong, cân tịnh, trích rút mẫu giám định và niêm phong lại vật chứng vào hồi 16 giờ 00 phút ngày 23/4/2019 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mai Sơn; phù hợp với kết luận giám định số 807 ngày 25/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, phù hợp với các biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung đối với bị can và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua tranh luận tại phiên tòa không có gì mâu thuẫn.

Như vậy, với việc mua và tàng trữ 0,26gam ma túy, đã có đầy đủ căn cứ kết luận các bị cáo Cà Văn T, Cà Văn M đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn truy tố các bị cáo tại Bản cáo trạng số: 63/CT-VKSMS ngày 01/8/2019 là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai cho các bị cáo.

[3] Xét thấy tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Các bị cáo đều là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm về hình sự, dân sự. Các bị cáo nhận thức rõ được việc mua bán, tàng trữ, sử dụng ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì thiếu rèn luyện, tu dưỡng mà các bị cáo đã phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Đây là vụ án có đồng phạm: Bị cáo Cà Văn T là người khởi xướng việc đi mua ma túy, là người trực tiếp mua ma túy và chia ma túy cho M nên bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo Cà Văn M khi được Cà Văn T rủ đi mua ma túy về sử dụng đã đồng ý ngay, là người điều khiển xe máy chở Cà Văn T đi mua ma túy, cùng sử dụng ma túy với T và chở T cho tới khi bị bắt nên bị cáo M là đồng phạm đóng vai trò người giúp sức tích cực trong vụ án. Hội đồng xét xử sẽ áp dụng Điều 58 Bộ luật Hình sự để xem xét mức hình phạt đối với từng bị cáo.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với bị cáo: Bị cáo Cà Văn T, Cà Văn M đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng với lỗi cố ý. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét các tình tiết: Quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật

Hình sự năm 2015 sẽ được Hội đồng xét xử xem xét áp dụng đối với các bị cáo khi lượng hình.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo giáo dục đối với các bị cáo, đồng thời mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Đối với bị cáo Cà Văn T: quá trình điều tra xác định gia đình bị cáo là hộ cận nghèo, bị cáo không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Cà Văn M: quá trình điều tra xác định gia đình bị cáo là hộ cận nghèo. Tuy nhiên, cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo 01 điện thoại di động và 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, màu đỏ, biển kiểm soát 26B2-055.22 là tài sản chung của bị cáo và vợ là chị Cà Thị M3, đây là tài sản có giá trị, do vậy cần áp dụng khoản 5 Điều 249; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo số tiền là 1.000.000VNĐ.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 02 vỏ bao bì niêm phong vật chứng ban đầu cùng các mảnh ninon gói ma túy ban đầu, 01 bơm kim tiêm được niêm phong theo quy định; Xét thấy đây là những vật bị cáo dùng vào việc cất giữ ma túy và không còn giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, kèm theo 01 sim của Cà Văn M và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung 540 màu xám, kèm theo 01 sim của Cà Văn T; Xét thấy đây là tài sản hợp pháp của các bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo.

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Honda, màu đỏ, biển kiểm soát 26B2-055.22. Xét thấy là tài sản chung của bị cáo Cà Văn M và vợ là chị Cà Thị M3. Chị M3 không biết việc bị cáo sử dụng chiếc xe trên vào việc phạm tội. Tại phiên tòa chị M3 đề nghị xin trả lại xe, nên Hội đồng xét xử không tịch thu sung công mà cần chấp nhận yêu cầu của chị M3. Do bị cáo Cà Văn M bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền nên cần tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Đối với số tiền 3.500.000VNĐ thu giữ của bị cáo Cà Văn T. Xét thấy đây là tài sản hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cà Văn T1, không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho ông T1.

[7] Về án phí: Các bị cáo thuộc diện hộ nghèo và hộ cận nghèo, do đó được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về các vấn đề khác:

Về nguồn gốc chất ma túy T khai mua của một người đàn ông không quen biết, việc trao đổi mua bán ma túy không ai biết, chứng kiến, do đó không có đủ căn cứ để điều tra, xác minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Tuyên bố bị cáo Cà Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Cà Văn T 14 (mười bốn) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 23/4/2019).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 3 Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017):

Tuyên bố bị cáo Cà Văn M phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Cà Văn M 12 (mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 23/4/2019).

Phạt bổ sung đối với bị cáo số tiền 1.000.000VNĐ (Một triệu đồng chẵn).

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy: 02 vỏ bao bì niêm phong vật chứng ban đầu cùng các mảnh ninon gói ma túy ban đầu, 01 bom kim tiêm được niêm phong theo quy định;

Trả lại cho bị cáo Cà Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung 540 màu xám, kèm theo 01 sim.

Tạm giữ để đảm bảo cho công tác thi hành án 01 xe máy nhãn hiệu Honda, màu đỏ, biển kiểm soát 26B2-055.22 (là tài sản chung của bị cáo Màng cùng vợ là Cà Thị M3) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, kèm theo 01 sim của Cà Văn M.

Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cà Văn T1 số tiền 3.500.000VNĐ.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội: Miễn án phí hình sự, dân sự sơ thẩm cho các bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/8/2019).

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- Viện KSND Mai Sơn ;
- Viện KSND tỉnh Sơn La ;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Mai Sơn ;
- Công an huyện Mai Sơn ;
- Chi cục THADS Mai Sơn ;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Văn Thịnh